



Mục lục

SỰ KIỆN

- 3 Phơi phới sức xuân đất nước
- 7 Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng
- 29 Danh sách Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIII

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 31 NGUYỄN VĂN THẠO:

Tầm nhìn của Đảng qua Văn kiện Đại hội XIII

43 NGUYỄN VIẾT THÔNG:

Một số điểm mới nổi bật trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng - đáp ứng niềm tin và kỳ vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân

60 TẠ NGỌC TẤN:

Một số vấn đề về kiểm soát quyền lực chính trị ở nước ta hiện nay





SỰ KIỆN

PHƠI PHỐI SỨC XUÂN ĐẤT NƯỚC

Đất nước ta từng từng bước vào năm mới phơi phơi sức xuân. Qua 35 năm đổi mới đạt *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử* rất đáng tự hào, được thắp sáng thêm bằng những quan điểm đột phá, đổi mới, sáng tạo của Đại hội lần thứ XIII của Đảng, lại có hành trang chuyển giao của năm 2020 với đầy ắp những kỷ lục về phát triển kinh tế - xã hội ấn tượng; cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín của đất nước chưa bao giờ có được như ngày nay.

Sức xuân đất nước được bồi đắp trước hết từ niềm tin vào tương lai tươi sáng của con đường ta đang đi tới. Trên cơ sở xác định rõ mục tiêu dân chủ, công bằng, văn minh với nguồn lực vô cùng dồi dào và ngày một sinh sôi là dân giàu, nước mạnh, những chặng đường và cả bước đi của chúng ta ngày càng được hoàn thiện hơn. Thấm thía

những khó khăn, thách thức của một thời gian khổ, khủng hoảng kinh tế - xã hội trong bối cảnh thế giới có những biến động phức tạp khôn lường, chúng ta càng tin vào việc kiên trì giữ vững định hướng để tự vượt qua những trở ngại khách quan và cả những sức ỳ chủ quan từ cách nghĩ, cách làm bất cập của chính mình. Tuy trước mắt chúng ta còn nhiều việc cần phải giải quyết, nhưng thuận lợi lớn đối với sự phát triển của đất nước là cơ bản, vận hội mới của đất nước đang đến, tương lai của đất nước và dân tộc ta rất tươi sáng, rạng rỡ.

Sức xuân đất nước thể hiện sinh động bởi những thành tựu ngoạn mục của 35 năm đổi mới và đặc biệt là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Mồ hôi, công sức, năng lực, kinh nghiệm của 35 năm đổi mới đã chuyển lượng thành chất để những năm vừa

qua Đảng ta, nhân dân ta đã lập nên những điều kỳ diệu về phát triển kinh tế - xã hội. Năm năm qua với ý chí quyết tâm, bản lĩnh, sáng tạo, toàn Đảng, toàn dân ta đã phấn đấu đạt nhiều thành tích rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật; đất nước phát triển nhanh và bền vững; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng được duy trì ở mức khá cao, quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên; đời sống nhân dân được cải thiện, xã hội yên bình; quốc phòng, an ninh được tăng cường; công tác đối ngoại đạt nhiều thành công; xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh và có nhiều kết quả ấn tượng.

Năm 2020, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tác động mạnh đến toàn thế giới, trong đó có nước ta, trong khi kinh tế thế giới suy thoái, tăng trưởng âm gần 4%, kinh tế nước ta vẫn đạt mức tăng trưởng 2,91%, là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới. Việt Nam được thế giới ghi nhận là điểm sáng trong việc thực hiện thắng lợi “mục tiêu kép” vừa khống chế, ngăn chặn đại

dịch Covid-19 thành công, vừa phục hồi kinh tế, bảo đảm đời sống và an toàn cho người dân.

Kinh tế phát triển nhanh và từng bước bền vững là điều kiện cho sự ổn định chính trị - xã hội và đến lượt nó, chính sự ổn định chính trị - xã hội đã tạo tiền đề cho kinh tế nước ta ngày càng tăng tốc, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, an ninh quốc phòng ngày càng được củng cố. Tất cả các nhân tố đó cộng hưởng cho thế và lực của đất nước ngày càng tăng lên.

Những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ Đại hội XII có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ tạo được những kết quả nổi bật, mà còn củng cố niềm tin, tạo động lực mới, khí thế mới, sức sống mới để phát triển đất nước.

Sức xuân đất nước càng sống động hơn khi con tàu đất nước đang tiến ra biển lớn, buồm căng gió lộng. Nhận thức đúng xu thế thời đại, tình hình thế giới, khu vực và nhu cầu phát triển của đất nước, Đại hội XIII của Đảng xác định mục tiêu phát triển tổng quát của nước ta là: Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

toàn diện; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta *trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chấp nhận và tham gia cuộc đua tranh kinh tế quy mô toàn thế giới, đất nước ta đứng trước nhiều cơ hội và thách thức mới. Cả cơ hội và thách thức của quá trình phát triển đất nước và hội nhập quốc tế đều rất lớn. Để tận dụng được cơ hội, vượt qua được thách thức, hội nhập thắng lợi, đòi hỏi chúng ta phải có quyết tâm cao, tạo được sự đồng thuận lớn, phát huy cho được tiềm năng, sức mạnh của toàn dân tộc. Với những kinh nghiệm quý báu từ quá trình 35 năm đổi mới

và hội nhập quốc tế, với thế và lực mới của đất nước, cùng lợi thế của nước đi sau có điều kiện học tập, rút kinh nghiệm từ những nước đi trước, lại có định hướng đúng cùng mục tiêu và bước đi cụ thể, rõ ràng, chúng ta tin tưởng sẽ tận dụng mọi thời cơ, vượt qua mọi thách thức để đưa đất nước ta bước vào giai đoạn phát triển mới.

Nhận xét về đất nước Việt Nam hôm nay, tờ báo cảnh tả People World của Mỹ ngày 25/1 cho rằng, sở dĩ Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam thu hút sự chú ý của quốc tế hơn rất nhiều so với hầu hết các đại hội trước là do trong vòng 5 năm qua, Việt Nam đã vươn lên mạnh mẽ trên trường quốc tế, trở thành quốc gia hùng mạnh cả về kinh tế và ngoại giao. Việt Nam cũng ngày càng khẳng định vị thế trên trường quốc tế nhờ những nỗ lực thúc đẩy hòa bình và hợp tác quốc tế.

Trang India Punchline của Ấn Độ ngày 27/1 khẳng định Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt liên quan đến chính trị nội bộ và quỹ đạo phát triển của Việt Nam trong tương lai, cũng như đối với chính trị khu vực và địa chính trị châu Á - Thái Bình Dương.

Theo bài viết, thành công của Việt Nam trong việc kiểm soát đại dịch Covid-19 đã giúp nền kinh tế nước này vượt xa hầu hết các nền kinh tế châu Á trong năm 2020. Chương trình hành động của đất nước trong thời gian tới là tiếp tục đẩy mạnh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và trở thành nước công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, có thu nhập trung bình vào năm 2030 và nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045.

Là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Việt Nam có vị trí thuận lợi để trở thành một trong những trung tâm sản xuất công nghệ quan trọng nhất thế giới, đồng thời là nền kinh tế kỹ thuật số phát triển nhanh nhất ở Đông Nam Á. Việt Nam đang nổi lên là một nước có ảnh hưởng trong ASEAN.

Đài truyền hình KBS Hàn Quốc bình luận: “Việt Nam sau một thời lao khổ, hôm nay đứng dậy sáng lòa cùng nhân loại. Đất nước đi vào hành trình mới. Hà Nội đang đứng trên giao điểm của thời đại. Việt Nam ngẩng cao đầu, tự hào hòa đồng và đi lên cùng nhân loại”. Đồng tình với nhận định đó, chúng ta càng tự hào về đất nước ta - đất nước của những điều kỳ diệu. Hào khí của hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của ông cha ta đang hun đúc, tụ hội thành hào khí mới hôm nay đưa nước ta chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu để vươn lên tầm cao mới.

Là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Việt Nam có vị trí thuận lợi để trở thành một trong những trung tâm sản xuất công nghệ quan trọng nhất thế giới, đồng thời là nền kinh tế kỹ thuật số phát triển nhanh nhất ở Đông Nam Á. Việt Nam đang nổi lên là một nước có ảnh hưởng trong ASEAN.

Cả nước đang hân hoan chào đón Tết cổ truyền Tân Sửu. Trời đất đang sang xuân. Đất nước phơi phơi sức xuân bước vào năm mới với khí thế mới, xung lực mới và nhất định giành được những thắng lợi mới ngày càng to lớn hơn ■

LÝ LUẬN & THỰC TIỄN

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XII VỀ CÁC VĂN KIỆN TRÌNH ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

Sáng 26/1/2021, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam đã khai mạc trọng thể tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Thủ đô Hà Nội. Tại phiên khai mạc Đại hội, đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Tiểu ban Văn kiện trình bày Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng. Tòa soạn trân trọng giới thiệu toàn văn Báo cáo:

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XII VỀ CÁC VĂN KIỆN TRÌNH ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG DO ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ TRỌNG, TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC, TRƯỞNG TIỂU BAN VĂN KIỆN TRÌNH BÀY

*Kính thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,
Thưa các vị khách quý, Thưa các đồng
chí đại biểu Đại hội,*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là một sự kiện chính trị trọng đại của Đảng ta, đất nước ta và dân tộc ta, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển của đất nước; cán bộ, đảng viên và nhân dân

ta đang náo nức chờ mong, tin tưởng và đặt nhiều kỳ vọng vào những quyết sách đúng đắn, mạnh mẽ, sáng suốt của Đảng.

Với chủ đề: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy ý chí và quyết tâm phát triển đất nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công

cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đại hội XIII của Đảng có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII gắn với việc đánh giá 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020; đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 (kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước); xác định mục tiêu, phương hướng đến năm 2030 (kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng) và tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045 (kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Đây sẽ là những dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Đảng ta, dân tộc ta, đất nước ta, có ý nghĩa định hướng và tầm nhìn chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

Thưa các đồng chí,

Toàn văn các Báo cáo đã được gửi đến các đại biểu tham dự Đại hội. Sau đây, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương khoá XII, tôi xin trình bày Báo cáo về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, tập trung vào một số vấn đề chung, cơ bản, có tính chất khái quát, làm rõ những nội dung chủ yếu và các điểm nhấn quan trọng để Đại hội xem xét, thảo luận, cho ý kiến quyết định.

I- VỀ QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ CÁC VĂN KIỆN

Nhận thức rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của Đại hội XIII, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra yêu cầu và có kế hoạch chuẩn bị cho Đại hội XIII rất sớm. Ngay từ Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khoá XII (tháng 10/2018) đã quyết định thành lập các Tiểu ban chuẩn bị văn kiện và công tác nhân sự. Trong đó có 3 Tiểu ban liên quan đến việc chuẩn bị các văn kiện: Tiểu ban Văn kiện do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước làm Trưởng Tiểu ban; Tiểu ban Kinh tế - Xã hội do đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Tiểu ban; Tiểu ban Điều lệ Đảng do đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên

Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương làm Trưởng Tiểu ban. Để giúp việc cho các Tiểu ban, Ban Bí thư đã quyết định thành lập các Tổ Biên tập và Bộ phận giúp việc. Sau khi được thành lập, dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, các Tiểu ban đã tích cực, khẩn trương xây dựng chương trình, kế hoạch làm việc; tiến hành tổ chức nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và khảo sát thực tế. Trong hơn 2 năm qua, các Tiểu ban đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nghiên cứu, các bộ, ban, ngành ở Trung ương và các cấp uỷ, chính quyền địa phương tổ chức gần 60 cuộc hội nghị, hội thảo, tọa đàm và thành lập 50 đoàn đi khảo sát thực tế, làm việc, xin ý kiến các đồng chí nguyên lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, tham vấn ý kiến các chuyên gia; đã tổ chức một số cuộc tọa đàm với Ngân hàng Thế giới và một số tổ chức quốc tế; đã tổ chức 2 đoàn đi khảo sát, nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài. Các cơ quan nghiên cứu lý luận, khoa học đã gửi khoảng 80 báo cáo tư vấn, báo cáo kiến nghị cho các Tiểu ban. Nhiều đồng chí cán bộ lão thành, các nhà khoa học có tâm huyết

cũng đã gửi thư, bài góp ý. Các báo cáo đã được nghiên cứu, chất lọc, tiếp thu những ý kiến hợp lý, xác đáng để đưa vào các dự thảo văn kiện.

Các Tiểu ban đã tiến hành 20 phiên họp để thảo luận, thông qua Đề cương và các dự thảo văn kiện, đồng thời thường xuyên có sự phối hợp giữa các Tiểu ban, Tổ Biên tập để bảo đảm sự thống nhất về nội dung giữa các văn kiện, trong đó Báo cáo chính trị là trung tâm. Bộ Chính trị đã họp nhiều lần để cho ý kiến hoàn thiện Đề cương và các dự thảo văn kiện trình xin ý kiến Ban Chấp hành Trung ương tại các Hội nghị Trung ương 10, 11, 14 và 15.

Các dự thảo Báo cáo đã được chỉnh lý, sửa chữa nhiều lần (Báo cáo chính trị khoảng 30 lần) và được gửi xin ý kiến rộng rãi của các đại biểu Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhiều tổ chức, cơ quan, đoàn thể... Bộ Chính trị đã quyết định cho công bố công khai toàn văn các dự thảo Báo cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng để lắng nghe ý kiến rộng rãi của nhân dân. Đã có hàng triệu lượt ý kiến đóng góp vào dự thảo các văn kiện và được tổng hợp gửi về Trung ương. Tổng hợp góp ý của đại

hội đảng các cấp từ cấp cơ sở đến các đảng bộ trực thuộc Trung ương, ý kiến của đại biểu Quốc hội, của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể quần chúng, của cán bộ, đảng viên và nhân dân cả trong và ngoài nước (các ý kiến đóng góp được tổng hợp lại thành 1.410 trang; báo cáo tổng hợp chung gần 200 trang).

Trong quá trình soạn thảo các văn kiện, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chỉ đạo sát sao, chặt chẽ, vừa bảo đảm tiến độ, chất lượng, cập nhật được sự thay đổi của tình hình, nhất là tác động của đại dịch COVID-19; vừa phát huy dân chủ rộng rãi, bảo đảm tính khoa học, kết tinh được trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân. Đặc biệt, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Tiểu ban Văn kiện đã có nhiều bài viết, bài phát biểu rất quan trọng để chỉ đạo việc biên soạn các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng.

Có thể khẳng định, việc chuẩn bị dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII lần này đã được tiến hành rất công phu, chu đáo, bài bản, qua nhiều lần, nhiều vòng, từng bước hoàn thiện, có nhiều đổi mới quan trọng về nội dung và phương pháp. Quán triệt sâu sắc

nguyên tắc kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, giữa kiên định và đổi mới, giữa kế thừa và phát triển, trên cơ sở phát huy dân chủ rộng rãi, dự thảo các văn kiện đã thực sự là sản phẩm kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, thể hiện rõ sự thống nhất giữa “ý Đảng, lòng Dân”, hoà quyện cùng quyết tâm và ý chí phát triển của dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Các ý kiến, đề xuất tâm huyết, trách nhiệm, kết tinh trí tuệ, ý chí và sức sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã được nghiêm túc nghiên cứu, chất lọc, lựa chọn tiếp thu. Từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta chân thành cảm ơn sự đóng góp quý báu của đồng chí, đồng bào, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao đối với Đảng, nhân dân và đất nước, mong muốn Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh; đất nước ta ngày càng phát triển phồn vinh; nhân dân ta ngày càng ấm no, hạnh phúc; dân tộc ta ngày càng cường thịnh, trường tồn.

II- VỀ TỔNG KẾT NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XII VÀ NHÌN LẠI 35 NĂM ĐỔI MỚI

Năm năm qua, nắm bắt thuận lợi,

thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, nhất là tác động của dịch bệnh và thiên tai liên tiếp xảy ra, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã phát huy tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí quyết tâm, bản lĩnh, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật; đất nước phát triển nhanh và bền vững; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế nước ta duy trì được tốc độ tăng trưởng bình quân khá cao (khoảng 5,9%). Nhiều khó khăn, vướng mắc, hạn chế, yếu kém từ các năm trước đã được tập trung giải quyết và đạt những kết quả bước đầu. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện; kinh tế vĩ mô ổn định khá vững chắc; lạm phát được kiểm soát và duy trì ở mức thấp; các cân đối lớn của nền kinh tế tiếp tục được bảo đảm và có bước được cải thiện; kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước được tăng cường. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội tăng mạnh, hiệu quả sử dụng được nâng lên. Cán cân thương mại được cải thiện; xuất khẩu tăng nhanh. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới

mô hình tăng trưởng, thực hiện ba đột phá chiến lược đạt được những kết quả quan trọng. Môi trường đầu tư, kinh doanh, tiềm lực, quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế tiếp tục được nâng lên. Chính trị, xã hội ổn định, đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Các lĩnh vực an sinh xã hội, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường, phát triển văn hoá, xây dựng con người Việt Nam, v.v.. có nhiều chuyển biến tích cực, có mặt khá nổi bật.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đặc biệt chú trọng, được tiến hành toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Nhiều vấn đề phức tạp được đặt ra và thực hiện từ những năm trước, nhưng hiệu quả còn thấp, trong nhiệm kỳ này đã có chuyển biến tích cực. Công tác kiểm tra, giám sát và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai quyết liệt, bài bản, đi vào chiều sâu, có bước đột phá và đạt những kết quả cụ thể, rõ rệt. Nhiều vụ án kinh tế, tham nhũng được phát hiện, điều tra, khởi tố, xét xử nghiêm minh, tạo sức răn đe, cảnh

tình, được cán bộ, đảng viên và nhân dân hoan nghênh, đánh giá cao và đồng tình ủng hộ. Tình trạng tham nhũng, tiêu cực, suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong Đảng và hệ thống chính trị từng bước được kiểm chế, ngăn chặn.

Trước tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, chúng ta đã coi trọng củng cố, tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh, chủ động xử lý thành công các tình huống, không để bị động, bất ngờ. An ninh chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, không ngừng mở rộng và đi vào chiều sâu; kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước, đồng thời đóng góp tích cực, có trách nhiệm cho hoà bình, hợp tác, phát triển của thế giới và khu vực, được cộng đồng quốc tế đồng tình ủng hộ, đánh giá cao; uy tín, vị thế của Đảng, Nhà nước, thế và lực của đất nước không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế.

Năm 2020, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 tác động mạnh đến nước ta, gây nhiều thiệt hại về kinh tế - xã hội, nhưng với sự nỗ lực cố gắng vượt bậc, đất nước đã đạt được những kết quả, thành tích đặc biệt hơn so với các năm trước. Trong khi kinh tế thế giới suy thoái, tăng trưởng âm gần 4%, kinh tế nước ta vẫn đạt mức tăng trưởng 2,91%, là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa; sự lãnh đạo nhạy bén, đúng đắn của Đảng; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời của Chính phủ; sự vào cuộc đồng bộ, tích cực của cả hệ thống chính trị; sự đồng tình, hưởng ứng, ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài, chúng ta đã kịp thời khống chế, cơ bản kiểm soát, ngăn chặn được sự lây lan của đại dịch COVID-19 trong cộng đồng; hạn chế tối đa những thiệt hại, tổn thất do dịch bệnh gây ra, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho nhân dân; từng bước khôi phục sản xuất kinh doanh, nỗ lực hoàn thành ở mức cao nhất các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của năm 2020 và cả giai

đoạn 2016 - 2020. Việt Nam được thế giới ghi nhận, coi là điểm sáng trong việc thực hiện thắng lợi “mục tiêu kép” vừa khống chế, ngăn chặn đại dịch COVID-19 thành công; vừa phục hồi, phát triển kinh tế, bảo đảm đời sống và an toàn cho người dân.

Có thể khẳng định, những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ Đại hội XII có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ tạo được dấu ấn nổi bật, mà còn góp phần củng cố niềm tin, tạo ra động lực mới, khí thế mới để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vững vàng vượt qua khó khăn, thách thức, tận dụng thời cơ, thuận lợi, đưa đất nước bước vào một thời kỳ phát triển mới. Đạt được những kết quả nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân quan trọng nhất là ý chí, quyết tâm cao, sự nỗ lực phấn đấu, đoàn kết, chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị và toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, thống nhất cao của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp uỷ đảng trong việc cụ thể hoá, triển khai thực hiện toàn diện Nghị quyết Đại hội XII, giải quyết kịp thời, có hiệu quả nhiều vấn đề mới nảy

sinh trong thực tiễn, nhất là trong những lĩnh vực quan trọng, then chốt; sự quản lý, điều hành nhạy bén, quyết liệt, có hiệu quả của Chính phủ và các cấp chính quyền; sự đổi mới phù hợp, đúng đắn về nội dung và phương thức hoạt động của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các tổ chức trong hệ thống chính trị; sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên; tinh thần lao động tích cực, cần cù, sáng tạo, trách nhiệm của nhân dân; sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

Thưa các đồng chí,

Thưa Đại hội,

Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hoá. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh chính trị của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn dắt dân tộc ta vững vàng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; là nền tảng để Đảng ta hoàn thiện đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới.

Từ thực tiễn công cuộc đổi mới, nhất là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, chúng ta rút ra một số bài học kinh nghiệm quý báu:

Một là, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, thường xuyên, hiệu quả cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Kiên định, vận

dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; thường xuyên củng cố, tăng cường đoàn kết trong Đảng và hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng, thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; hoàn thiện cơ chế kiểm soát chặt chẽ quyền lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác cán bộ phải thực sự là “then chốt của then chốt”, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nhất là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Hai là, trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”;

thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Ba là, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện, phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực; có bước đi phù hợp, phát huy mọi nguồn lực, động lực và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, vướng mắc; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu gắn liền với phát huy sức mạnh đồng bộ của cả hệ thống chính trị; phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ cương; coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý

luận; thực hiện tốt sự phối hợp trong lãnh đạo, quản lý, điều hành; coi trọng chất lượng và hiệu quả thực tế; tạo đột phá để phát triển.

III- VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

Trong những năm tới, dự báo tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cũng đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, thách thức. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển, nhưng cũng đang bị đe dọa bởi sự trở dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại diễn ra gay gắt. Do tác động của đại dịch COVID-19, thế giới rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng nhiều mặt. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, mang đến cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Các nước điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển nhằm thích ứng với tình hình mới. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng. Tại Đông Nam Á, môi

trường an ninh, tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông còn diễn biến phức tạp. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác, nhất là an ninh mạng, ngày càng tác động mạnh, nhiều mặt, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển ổn định, bền vững của thế giới, khu vực và đất nước ta.

Trong khi đó, dù đạt được những thành tựu rất quan trọng, rất đáng tự hào, nhưng đất nước ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức và hạn chế. Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng; sau 4 năm đầu của nhiệm kỳ liên tục tăng trưởng cao, nhưng năm 2020 bị suy giảm mạnh do tác động tiêu cực của dịch bệnh và thiên tai, hạn hán, bão lũ liên tiếp xảy ra. Tính tự chủ và khả năng chống chịu của nền kinh tế chưa cao. Kinh tế tập thể, hợp tác xã phần lớn có quy mô còn nhỏ, năng lực nội tại còn yếu. Hiệu quả hoạt động của nhiều doanh nghiệp nhà nước còn thấp. Kinh tế tư nhân trong nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh nhưng chưa thật bền vững. Công tác lãnh đạo, quản lý, bảo đảm an ninh con người, trật tự, an toàn xã hội; sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi

trường còn nhiều bất cập, gây bức xúc xã hội. Các thế lực thù địch chống phá ngày càng quyết liệt. Đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ còn nhiều thách thức. Giá trị lịch sử, truyền thống văn hóa của dân tộc và con người Việt Nam chưa được phát huy đầy đủ. Năng lực tổ chức thực hiện còn hạn chế; chất lượng luật pháp, chính sách trong một số lĩnh vực còn thấp. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng, đảng viên còn chưa ngang tầm nhiệm vụ. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng, Nhà nước chưa thật đầy đủ, đồng bộ; hiệu lực, hiệu quả chưa cao. Việc thể chế hoá, cụ thể hóa một số nghị quyết của Đảng còn chậm; tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu. Những khó khăn, hạn chế và khuyết điểm đó đòi hỏi chúng ta phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn và hành động quyết liệt hơn nữa để khắc phục cho bằng được. Tuyệt đối không được chủ quan, tự mãn, mất cảnh giác.

Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới trong giai đoạn tới, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta cần quán triệt trong cả nhận thức và hành động thực tiễn các quan điểm chỉ đạo cơ bản sau đây:

(1) Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động.

(2) Chiến lược phát triển tổng thể của đất nước ta là đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo đảm gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

(3) Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy

manh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nền văn hoá, con người Việt Nam; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

(4) Nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc là tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Với một đảng cách mạng chân

chính, trong sạch, vững mạnh, có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín lãnh đạo như Đảng ta, được nhân dân hết lòng tin yêu, ủng hộ, chúng ta sẽ có một sức mạnh to lớn, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, không thể lực nào ngăn cản nổi dân tộc ta đi lên, lập nên những kỳ tích mới trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

(5) Trong nhiệm kỳ 2021 - 2025 và những năm tiếp theo, mục tiêu phát triển tổng quát của chúng ta là: Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trên nguyên tắc bảo đảm tính khoa

học và thực tiễn; kế thừa và bổ sung phù hợp với những thay đổi trong từng giai đoạn phát triển của đất nước; đồng thời nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của các nước và những chuẩn mực phát triển chung của thế giới, chúng ta xác định các mục tiêu cụ thể không chỉ trong nhiệm kỳ khoá XIII mà hướng tới những dấu mốc phát triển quan trọng của đất nước ta trong những thập niên sắp tới:

- Đến năm 2025: Là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030: Là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Để thực hiện các mục tiêu đã nêu, trên cơ sở bám sát thực tiễn, xu hướng phát triển của đất nước và thế giới, Báo cáo chính trị đề ra và các báo cáo chuyên đề đã cụ thể hóa 12 định hướng chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ 2021 - 2030. Các định hướng lớn bao quát những vấn đề phát triển quan trọng của đất nước trong giai đoạn 10 năm tới, trong đó có

nhiều vấn đề mới, nổi bật, đó là:

+ Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững đất nước; hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước, chú trọng đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển nền kinh tế số, xã hội số.

+ Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

+ Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ thiên tai, phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân; quản lý, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên, chú trọng bảo vệ môi

trường, bảo đảm phát triển bền vững.

+ Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả.

+ Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội.

Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực.

Tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

Để thực hiện được các định hướng nêu trên, chúng ta cần tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các quan hệ lớn: Giữa

đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; và đặc biệt, mối quan hệ mới được bổ sung lần này là mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Đó là những mối quan hệ lớn, phản ánh các quy luật mang tính biện chứng, những vấn đề lý luận cốt lõi về đường lối đổi mới của Đảng ta, cần tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện và phát triển phù hợp với thay đổi của thực tiễn; đòi hỏi chúng ta phải nhận thức đúng và đầy đủ, quán triệt sâu sắc và thực hiện thật tốt, có hiệu quả. Tuyệt đối không được cực đoan, phiến diện.

Thưa các đồng chí,

Nhiệm kỳ Đại hội XIII là một dấu mốc, một bước chuyển hết sức quan trọng, làm tiền đề cho các nhiệm kỳ tiếp theo để thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát huy ý chí, sức mạnh của toàn dân tộc, sự thống nhất của “ý Đảng, lòng Dân”, chúng ta quyết tâm thực hiện thật tốt hệ thống các nhiệm vụ, giải pháp mà các văn kiện trình Đại hội XIII đã đề ra để đưa đất nước ta bước vào một giai đoạn phát triển mới với những trọng tâm sau đây:

(1) Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

Kết hợp hài hòa, chặt chẽ và có hiệu quả giữa xây dựng với chỉnh đốn Đảng; giữa xây dựng Đảng với bảo vệ Đảng. Không ngừng nâng cao năng lực và đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị. Hết sức coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng. Kiên định, vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời không ngừng bổ sung, phát triển

sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Tăng cường giáo dục truyền thống văn hoá, lịch sử và cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc; không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên; thường xuyên đấu tranh, ngăn chặn âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức, tích cực đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phát huy thật tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu.

Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt

động hiệu lực, hiệu quả đi đôi với việc củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên. Đặc biệt coi trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ - nội dung then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Có chính sách khuyến khích và cơ chế phù hợp bảo vệ những cán bộ, đảng viên có ý chí chiến đấu cao, gương mẫu thực hiện nguyên tắc của Đảng và pháp luật của Nhà nước, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung.

Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước về thể chế hoá, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Giữ vững kỷ luật, kỷ cương đồng thời khắc phục bằng được sự yếu kém, chậm trễ trong công tác lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chủ trương, luật pháp, chính sách, thực thi công vụ. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm

soát chặt chẽ quyền lực; nâng cao chất lượng hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Tiếp tục thực hiện chiến lược cải cách tư pháp; nâng cao uy tín và hiệu quả của hoạt động tư pháp.

Đổi mới tổ chức, bộ máy, nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo phương châm hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư, thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân, làm cầu nối quan trọng giữa Đảng và nhân dân. Củng cố, tăng cường lòng tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

(2) Đổi mới mạnh mẽ và có hiệu quả mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, hiện đại, hội nhập

Xây dựng nền công nghiệp quốc gia hiện đại, vững mạnh, gồm những ngành công nghiệp nền tảng và công

ngiệp mũi nhọn gắn với công nghệ thông minh. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam tham gia phát triển những ngành công nghiệp mới, hiện đại. Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, hướng tới mô hình nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ mới, giá trị gia tăng cao. Thực hiện tốt Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, kết hợp chặt chẽ với bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tài nguyên, môi trường biển. Phát triển và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ, ưu tiên những ngành có tiềm năng, lợi thế, những loại hình dịch vụ mới mang lại hiệu quả cao; chú trọng các dịch vụ hỗ trợ sự phát triển của công nghiệp và nông nghiệp. Tiếp tục đẩy nhanh và thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý an toàn nợ công; cơ cấu lại đầu tư công, các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp nhà nước; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô.

Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để sớm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội

chủ nghĩa. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành kinh tế vĩ mô và năng lực phục vụ, hỗ trợ phát triển của Nhà nước. Giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội; giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước, nhất là về thể chế, chính sách.

Phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết chặt chẽ, hiệu quả giữa các khu vực, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh. Đẩy nhanh việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển quốc gia, các vùng, các ngành, lĩnh vực phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng địa phương và thực tiễn đất nước nhằm nâng cao tính tự chủ, khả năng thích ứng, sức chống chịu của nền kinh tế. Tăng cường tính liên kết ngành, liên kết nội vùng và liên vùng, thúc đẩy tham gia vào các mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, mở ra các không gian phát triển mới.

Tiếp tục phát huy vai trò của các doanh nghiệp nhà nước trong việc hình thành và mở rộng các chuỗi sản xuất, cung ứng và chuỗi giá trị, nhất là trong những ngành, lĩnh vực then chốt Nhà nước cần nắm giữ. Tạo mọi điều

kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, lớn mạnh về quy mô, nâng cao về chất lượng. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác mà trọng tâm là hợp tác xã, hỗ trợ phát triển kinh tế hộ, liên kết hộ. Chuyển trọng điểm chính sách thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài từ số lượng sang chất lượng; ưu tiên các dự án có công nghệ hiện đại, công nghệ và giá trị gia tăng cao, mô hình quản trị hiện đại, có tác động lan toả, kết nối với khu vực kinh tế trong nước.

Huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, để khoa học và công nghệ thực sự là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

(3) Khơi dậy tinh thần và ý chí, quyết tâm phát triển đất nước phồn

vinh, hạnh phúc; dân tộc cường thịnh, trường tồn; phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Tập trung khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, niềm tự hào, ý chí tự cường, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội và khát vọng phát triển đất nước của toàn dân tộc. Xây dựng các cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước của mọi người dân Việt Nam. Phát huy tối đa nhân tố con người; con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh; vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh

con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại. Bảo đảm cung cấp và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là đối với người nghèo, người yếu thế trong xã hội, quan tâm chăm sóc bảo vệ sức khỏe của nhân dân. Nâng cao chất lượng dân số; tận dụng hiệu quả cơ hội thuận lợi từ cơ cấu dân số vàng; chủ động thích ứng với xu thế già hóa dân số. Tạo môi trường và điều kiện để phát triển thị trường lao động, đồng bộ, hiện đại, linh hoạt, thống nhất, hội nhập và hiệu quả.

(4) Giữ vững độc lập, tự chủ; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Tiếp tục xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh; đến năm 2030, xây dựng một số quân chủng, binh chủng, lực lượng hiện đại; phấn đấu từ năm 2030, xây dựng quân đội hiện đại. Phấn đấu đến năm 2030 xây dựng lực lượng Công an nhân dân tinh nhuệ, hiện đại. Xây dựng “thể trận lòng dân”, thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân vững chắc làm nền tảng cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, luôn vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có sức chiến đấu cao.

Kịp thời phát hiện, chủ động xử lý có hiệu quả các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự, không để xảy ra các “điểm nóng”. Kịp thời đấu tranh trấn áp hiệu quả các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao, băng nhóm ma túy...

Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả công tác đối ngoại của Đảng với ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Nâng cao năng lực hội nhập, nhất là cấp vùng và địa phương, doanh nghiệp; tận dụng tối đa các cơ hội từ quá trình hội nhập mang lại, nhất là các hiệp định thương mại tự do đã ký kết. Xây dựng nền ngoại giao hiện đại, trong đó chú trọng đẩy mạnh ngoại giao quốc phòng, an ninh để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Tăng cường ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Mở rộng và nâng cao hiệu quả ngoại giao văn hoá, đóng góp thiết thực vào quảng bá hình ảnh, thương hiệu quốc gia và tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước.

(5) Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội

Giải quyết hài hoà các quan hệ lợi ích giữa các giai tầng trong xã hội. Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Tập

trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo; có những chính sách đặc thù giải quyết khó khăn cho đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc. Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cản trở sự phát triển của đất nước.

Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước. Phát huy tính tích cực chính trị - xã hội, quyền và trách nhiệm của nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức; có cơ chế giải phóng mọi tiềm năng, sức mạnh, khả năng sáng tạo, động viên nhân dân tham gia phát triển kinh tế và quản lý phát triển xã hội. Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin, quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của mọi tầng lớp nhân dân. Thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, nhất là dân chủ ở cơ sở. Chống các biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức.

Đẩy mạnh việc hoàn thiện, xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, hiện đại, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, có sức cạnh tranh quốc tế, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới.

(6) Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu

Xây dựng chiến lược, hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, trọng tâm là đất, nước và khoáng sản. Xây dựng hệ thống luật pháp, chính sách và cơ chế giám sát tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo thiên tai, ô nhiễm và thảm họa môi trường, dịch bệnh. Ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường. Chủ động, tích cực hợp tác quốc tế trong việc chia sẻ thông tin, phối hợp nghiên cứu, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo đảm

an ninh sinh thái, an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh năng lượng.

Giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Phát triển kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, các-bon thấp; khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất. Nâng cao tính chống chịu và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của hệ thống kết cấu hạ tầng và của nền kinh tế; thực hiện các giải pháp thông minh để thích ứng với biến đổi khí hậu trong nông, lâm, ngư nghiệp và các lĩnh vực khác của nền kinh tế.

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu nêu trên, chúng ta cần tập trung đầu tư nguồn lực và đặc biệt chú trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, tạo sự chuyển biến về chất trong việc thực hiện ba đột phá chiến lược do Đại hội lần thứ XI, XII đã đề ra và được Đại hội XIII bổ sung, cụ thể hóa cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới, cụ thể:

(1) Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển

nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách nhằm tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng những biện pháp hữu hiệu.

(2) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, ưu tiên nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến căn bản, mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ người tài; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí phấn đấu vươn lên, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội, về môi trường và quốc phòng, an ninh, ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

Thưa các đồng chí, Thưa Đại hội,

Với phương châm: Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển, chúng ta cần thảo luận kỹ lưỡng để đạt được sự thống nhất cao và biểu quyết thông qua các văn kiện của Đại hội, bảo đảm cho sự thành công của Đại hội, tạo cơ sở cho việc quán triệt, triển khai thực hiện thật tốt Nghị quyết Đại hội, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Thực tiễn sinh động, phong phú, những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử cùng những bài học kinh nghiệm sâu sắc qua 35 năm đổi mới, nhất là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII, tinh thần đoàn kết và sự thống nhất của toàn hệ thống chính trị, sự tin tưởng và ủng hộ của nhân dân là cơ sở vững chắc để Đảng

ta đưa ra những thông điệp mạnh mẽ, những quyết sách sáng suốt, đúng đắn, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Chúng ta hãy khắc sâu lời dạy của Bác Hồ kính yêu: “Đại hội Đảng rất quan hệ đến tương lai cách mạng của Đảng ta và của nhân dân ta. Đại hội sẽ làm cho Đảng ta đã đoàn kết càng đoàn kết hơn nữa, tư tưởng và hành động đã nhất trí, càng nhất trí hơn nữa”. Với hướng đi đúng đắn, hợp quy luật; ý Đảng hợp với lòng dân; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, khát vọng vươn lên mãnh liệt và ý chí, quyết tâm chính trị cao, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nhất định sẽ lập nên những kỳ tích phát triển mới, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện thành công tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và ước vọng của toàn dân tộc.

Xin chúc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII thành công tốt đẹp. Chúc các vị khách quý và các đồng chí đại biểu Đại hội sức khỏe và hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn! ■

DANH SÁCH BỘ CHÍNH TRỊ, TỔNG BÍ THƯ, BAN BÍ THƯ, ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG KHÓA XIII

Sáng 31/1/2021, Hội nghị lần thứ nhất ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã được tiến hành trọng thể tại Trụ sở Trung ương Đảng. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII chủ trì Hội nghị.

Hội nghị đã tiến hành bầu Bộ Chính trị gồm 18 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng tiếp tục được tín nhiệm bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Ban Bí thư gồm một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị được Bộ Chính trị phân công tham gia Ban Bí thư và 5 đồng chí được bầu tại Hội nghị. Ủy ban Kiểm tra Trung ương gồm 19 đồng chí; đồng chí Trần Cẩm Tú tiếp tục được bầu làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIII

I- BỘ CHÍNH TRỊ

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước

Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Thủ tướng Chính phủ

Đồng chí Phạm Minh Chính, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương

Đồng chí Vương Đình Huệ, Bí thư Thành ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XIV thành phố Hà Nội

Đồng chí Trần Tuấn Anh, Bộ trưởng Bộ Công Thương, kiêm Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương

Đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

Đồng chí Lương Cường, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam

Đồng chí Đinh Tiến Dũng, Bộ trưởng Bộ Tài chính

Đồng chí Phan Văn Giang, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam

Đồng chí Tô Lâm, Bộ trưởng Bộ Công an

Đồng chí Trương Thị Mai, Trưởng Ban Dân vận Trung ương

Đồng chí Trần Thanh Mẫn, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Đồng chí Phạm Bình Minh, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Đồng chí Nguyễn Văn Nên, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Đồng chí Võ Văn Thương, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương

Đồng chí Phan Đình Trạc, Trưởng Ban Nội chính Trung ương

Đồng chí Trần Cẩm Tú, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

II- BAN BÍ THƯ

Ban Bí thư Trung ương khóa XIII gồm một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị được Bộ Chính trị phân công tham gia Ban Bí thư và 5 đồng chí được bầu tại Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII.

Đồng chí Đỗ Văn Chiến, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

Đồng chí Bùi Thị Minh Hoài, Phó Chủ nhiệm thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Đồng chí Lê Minh Hưng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng

Đồng chí Lê Minh Khái, Tổng Thanh tra Chính phủ

Đồng chí Nguyễn Trọng Nghĩa, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam

III- ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG KHÓA XIII

Gồm 19 đồng chí; đồng chí Trần Cẩm Tú tiếp tục được bầu làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIII ■



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TÂM NHÌN CỦA ĐẢNG QUA VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIII

● PGS, TS NGUYỄN VĂN THẠO

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Bối cảnh Đại hội XIII và yêu cầu đặt ra đối với tầm nhìn của Đảng về phát triển đất nước

Đại hội XIII của Đảng được tổ chức vào thời điểm toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã thực hiện thắng lợi nhiều chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ trong Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; đất nước đã qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Quy mô, trình độ phát triển kinh tế, xã

hội của đất nước được nâng lên. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Đây là động lực, nguồn lực quan trọng để đất nước ta vượt qua khó khăn, thách thức, phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới. Tuy nhiên, kinh tế - xã hội phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước và còn nhiều khó khăn, thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn tồn tại, có mặt gay gắt hơn. Nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn. Việc phát triển văn hóa, bảo đảm phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm định hướng xã hội

chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường; việc phát triển đồng bộ các vùng, miền, địa phương trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng vẫn còn nhiều hạn chế. Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp. Xu hướng già hóa dân số, đô thị hóa tăng nhanh; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng ngày càng lớn đến sự phát triển đất nước. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá Đảng, Nhà nước, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo của đất nước.

Trên thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đứng trước nhiều khó khăn, trở ngại. Tình hình chính trị, an ninh, kinh tế thế giới có những biến động lớn, nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra phức tạp, quyết liệt; chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa dân túy, cường quyền nước lớn trong quan hệ quốc tế gia tăng. Toàn cầu hóa tiếp tục tiến triển nhưng gặp nhiều trở ngại, luật pháp

quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại giữa các nước, các nền kinh tế ngày càng quyết liệt. Nhiều vấn đề an ninh truyền thống, phi truyền thống, an ninh mới như an ninh mạng, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thiên tai, dịch bệnh... trở thành những thách thức lớn trên quy mô toàn cầu. Đại dịch Covid-19 làm đảo lộn, suy thoái nghiêm trọng kinh tế thế giới. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á là khu vực cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn, tiềm ẩn nhiều bất ổn. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo căng thẳng, phức tạp. ASEAN có vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác trong khu vực, nhưng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức.

Trong bối cảnh đó, đất nước đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi và nhiều khó khăn, thách thức đan xen, nhiều vấn đề mới đặt ra đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải giải quyết, có những

quyết định đúng đắn, mạnh mẽ để phát triển đất nước ta nhanh và bền vững. Đại hội XIII của Đảng có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng, nâng cao hiệu quả đối ngoại, hội nhập quốc tế; cả đối nội và đối ngoại, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và công tác xây dựng Đảng; trên cơ sở đó, quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong nhiệm kỳ 5 năm 2021-2025 tới, như đại hội các nhiệm kỳ khác. Đồng thời, Đại hội XIII còn đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020 do Đại hội XI của Đảng (năm 2011) thông qua và quyết định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước 10 năm tới, 2021-2030. Như một số đại hội Đảng có nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển đất nước định kỳ 10 năm, nhưng ý nghĩa của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước 10 năm lần này là: năm 2030

là kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng. Đặc biệt, Đại hội XIII còn đề ra tầm nhìn của Đảng về mục tiêu phát triển đất nước xa hơn, đến năm 2045, năm kỷ niệm 100 năm thành lập Nhà nước Việt Nam mới. Đây là điểm mới, có ý nghĩa rất quan trọng.

Tầm nhìn là một trong những yêu cầu quan trọng hàng đầu về năng lực, phẩm chất của người lãnh đạo, của một đảng chính trị, nhất là đảng cầm quyền. Tầm nhìn thể hiện lý tưởng phấn đấu, thể hiện mục tiêu cần đạt được, là cơ sở để xác định nhiệm vụ, giải pháp thực hiện; để thống nhất tư tưởng, đoàn kết trong Đảng, tập hợp, đoàn kết, cổ vũ, động viên mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân, các lực lượng xã hội phát huy sức mạnh to lớn của toàn dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách, gian khổ, hy sinh để thực hiện mục tiêu, lý tưởng đó. Yêu cầu đặt ra với tầm nhìn là sự đúng đắn, chính xác của định hướng, mục tiêu đề ra, phù hợp với lý tưởng của Đảng, tính chất, xu thế của thời đại, yêu cầu phát triển của đất nước trong từng giai đoạn, có cơ sở, căn cứ khoa học, phù hợp với thực tiễn, điều kiện của đất nước, khả thi, thể hiện khát vọng, ý chí

quyết tâm phấn đấu cao nhưng không chủ quan, duy ý chí.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội VII của Đảng thông qua năm 1991 (Cương lĩnh 1991) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng đã đề ra tầm nhìn, mục tiêu phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI và đến khi kết thúc (hoàn thành) thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tầm nhìn, mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập Nước là sự kế thừa, cụ thể hóa tầm nhìn, mục tiêu do Cương lĩnh đề ra. Đây là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự phát triển của đất nước, là cơ sở bảo đảm sự nhất quán, kết nối, kế thừa trong chủ trương, đường lối phát triển đất nước của Đảng qua các kỳ Đại hội Đảng đến giữa thế kỷ XXI, bảo đảm sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong đường lối phát triển đất nước. Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách chống phá

sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, xâm phạm quyền độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo của đất nước ta; trong khi đó, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn chưa được ngăn chặn, đẩy lùi; thách thức trên con đường phát triển của đất nước còn nhiều, không thể xem thường, chủ quan, dao động, mất cảnh giác.

2. Những điểm mới trong tầm nhìn về phát triển đất nước

a. Trong chủ đề Đại hội:

- Bổ sung thêm “*chỉnh đốn*” và “*hệ thống chính trị*” vào nội dung “tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh” để thành “*Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh*”.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam hơn 90 năm qua, tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước ta trong 35 năm đổi mới vừa qua và cũng sẽ là yếu tố quyết định thắng lợi của sự

ng nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của đất nước ta, nhân dân ta trong những năm tới. Tới đây, trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nước ta đứng trước nhiều thời cơ và khó khăn, thách thức to lớn, đặt ra nhiều vấn đề mới đòi hỏi Đảng phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình. Bởi vậy, trong tiêu đề Báo cáo chính trị Đại hội X và Đại hội XI của Đảng đều có nội dung “*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng*”. Nhưng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng lại phụ thuộc vào chất lượng các tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng; trong đó, đặc biệt là phụ thuộc vào sự trong sạch, vững mạnh của tổ chức đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, trong những năm gần đây, có một bộ phận cán bộ, đảng viên bị suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” dẫn đến quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vi phạm quyền làm

chủ của nhân dân... làm ảnh hưởng xấu đến sự ổn định, phát triển đất nước, uy tín của Đảng, Nhà nước, đe dọa sự tồn vong của chế độ. Do đó, công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh được Đảng hết sức quan tâm trong những năm gần đây, đặc biệt được đẩy mạnh trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng.

Tiêu đề Báo cáo chính trị Đại hội XII của Đảng được mở đầu với nội dung “*Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*”. Thực tiễn công tác xây dựng Đảng cho thấy trong bối cảnh có sự suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay, để xây dựng Đảng phải có chỉnh đốn, phải chỉnh đốn thì mới xây dựng được Đảng trong sạch, vững mạnh. Hội nghị Trung ương lần thứ tư khóa XII đã ra Nghị quyết chuyên đề của Trung ương “*Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*”. Do đó, cần phải bổ sung “chỉnh đốn” vào nội dung “*xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*” trong tiêu đề Báo cáo chính trị Đại hội XIII.

Đồng thời, trong bối cảnh Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, của cả hệ thống chính trị. Sự trong sạch, vững mạnh của Đảng gắn liền với sự trong sạch, vững mạnh của cả hệ thống chính trị. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng gắn liền với hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Bởi vậy, bổ sung “*hệ thống chính trị*” vào “*Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh*” để thành “*Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh*” là đúng đắn và cần thiết.

- Bổ sung “*khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí*”, và “*kết hợp với sức mạnh của thời đại*” vào nội dung “*phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc*” để trở thành “*Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại...*”.

Cùng với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, trong mọi giai đoạn cách mạng, khối đại đoàn kết toàn dân tộc luôn

luôn là nguồn sức mạnh to lớn để đất nước ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đạt được những thắng lợi vẻ vang. Bởi vậy, “*phát huy sức mạnh toàn dân tộc*” luôn là một nội dung quan trọng trong đường lối của Đảng, được nêu trong tiêu đề Báo cáo chính trị của nhiều đại hội Đảng (trong tiêu đề Báo cáo chính trị Đại hội XI, XII đều có nội dung này). Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng tiếp tục đưa nội dung “*phát huy sức mạnh toàn dân tộc*” vào tiêu đề của Báo cáo.

Việc kết hợp nội lực và ngoại lực, trong đó nội lực là quyết định, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh của thời đại là một quan điểm lớn, nội dung lớn trong đường lối cách mạng, phát triển đất nước của Đảng. Từ lâu, nội dung này đã được nêu trong nhiều văn kiện của Đảng; tuy nhiên, còn chưa được nêu trong tiêu đề Báo cáo chính trị của các đại hội toàn quốc của Đảng. Ngày nay, trong thời đại toàn cầu hóa, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia; nước ta đã hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng, toàn diện, ảnh hưởng và tác

động quốc tế đối với nước ta ngày càng lớn, nhanh chóng và trực tiếp. Xu thế của thời đại, luật pháp, các quan hệ quốc tế, sự hợp tác, ủng hộ của các nước, cộng đồng quốc tế là nguồn sức mạnh to lớn để đất nước ta nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức giữ vững độc lập, chủ quyền, môi trường hòa bình ổn định, phát triển nhanh, bền vững. Do đó, việc đưa nội dung “phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại” vào tiêu đề Báo cáo chính trị Đại hội XIII là cần thiết, đúng đắn, có ý nghĩa quan trọng.

Thực tiễn lịch sử thế giới, cũng như lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, đất nước ta đã cho thấy tinh thần, ý chí, khát vọng của một dân tộc là một sức mạnh to lớn. Chính ý chí, khát vọng cháy bỏng phải giành, bảo vệ cho được độc lập, tự do, thống nhất đất nước đã tạo nên sức mạnh thần kỳ để nước ta, một nước nghèo, kinh tế kém phát triển đã đánh thắng những kẻ thù hùng mạnh của thời đại. Ngày nay, bên cạnh những khó khăn, thách thức, đất nước ta có những thuận lợi, cơ hội to lớn để phát triển, chúng ta rất cần phải phát

huy mạnh mẽ ý chí, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước giàu mạnh trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân để tạo nên động lực mạnh mẽ, sức mạnh to lớn đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nắm bắt, tận dụng tốt mọi thuận lợi, thời cơ, phát triển đất nước nhanh, bền vững. Đây là yêu cầu, là lời hiệu triệu của Đảng, của đất nước đối với mỗi người Việt Nam yêu nước.

- Xác định mục tiêu “*phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”.

Thành tố cuối cùng trong tiêu đề Báo cáo chính trị tại các đại hội Đảng ở nhiều nhiệm kỳ đều là mục tiêu phát triển đất nước, như, trong tiêu đề Báo cáo chính trị của Đại hội XI của Đảng có mục tiêu “*tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”, của Đại hội XII có mục tiêu “*phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đề ra mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI “*phấn đấu xây dựng*

nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Theo truyền thống ấy, thành tố cuối trong tiêu đề Báo cáo chính trị Đại hội XIII là mục tiêu "phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"; trong đó nội dung "theo định hướng xã hội chủ nghĩa" đã được khẳng định trong nhiều văn kiện của Đảng; điểm mới là "nước ta trở thành nước phát triển".

Trong nhiều năm qua, trong các văn kiện của Đảng đều xác định mục tiêu phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và trở thành nước công nghiệp hiện đại vào giữa thế kỷ XXI. Đây là quan điểm đúng đắn, có ý nghĩa quan trọng định hướng cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, cho đến nay, việc xây dựng các tiêu chí để xác định thế nào là nước công nghiệp, nước công nghiệp theo hướng hiện đại và nước công nghiệp hiện đại vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Trong khi đó, trên thế giới hiện nay, ngoài Tổ chức Công nghiệp của Liên hợp quốc (UNIDO)

có phân chia các nước thành nước đã công nghiệp hóa, nước công nghiệp hóa, còn hầu hết các nước, các tổ chức quốc tế không sử dụng cách phân loại này. Các nước, các tổ chức quốc tế (như Liên hợp quốc, Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế...) đều đánh giá, phân loại các nước thành: (1) nước phát triển, nước đang phát triển, nước kém phát triển, hay (2) nước có thu nhập cao, nước có thu nhập trung bình cao, nước có thu nhập trung bình thấp và nước có thu nhập thấp. Tuy không phân loại các nước thành nước đã công nghiệp hóa hay chưa công nghiệp hóa, những nước phát triển, như các nước G7, G20, đồng thời, cũng được xác định là những nước đã công nghiệp hóa, nước công nghiệp mới nổi.

Nước ta đã hội nhập ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới, việc xác định mục tiêu phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI sử dụng cách phân loại nước theo thông lệ quốc tế là cần thiết để thuận lợi cho việc phân tích, đánh giá và so sánh quốc tế.

b. Trong mục tiêu phát triển đất nước

(1) *Về mục tiêu tổng quát*

- Bổ sung “*năng lực cầm quyền*” vào nội dung “*nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng*” để thành “*nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng*”.

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu là những yêu cầu hàng đầu đối với Đảng để Đảng làm tốt được vai trò lãnh đạo của Đảng mọi mặt hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối nội, đối ngoại của đất nước. Những diễn biến phức tạp của tình hình khu vực, thế giới; sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của đất nước đặt ra nhiều vấn đề mới đòi hỏi Đảng phải giải quyết, phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình. Vì vậy, nhiệm vụ “*nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng*” đã được nhiều lần đề ra trong các văn kiện của Đảng. Tuy nhiên, khi là Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo chủ yếu bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước. Đây là điều rất khác với sự lãnh đạo của Đảng khi chưa có chính quyền. Cầm quyền là lãnh đạo nhưng thông qua Nhà nước, phương thức cầm quyền có điểm chung, có điểm khác với phương thức lãnh đạo. Đây là vấn đề rất cần

phải tiếp tục làm rõ. Trong thực tế, những năm vừa qua, vừa có tình trạng Đảng làm thay Nhà nước, vừa có tình trạng buông lỏng lãnh đạo Nhà nước. Vì vậy, việc bổ sung “*năng lực cầm quyền*” vào nội dung “*nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng*” sẽ nhấn mạnh cần phải chú ý, cần phải quan tâm nghiên cứu, hoàn thiện thể chế để thực hiện tốt nhiệm vụ này.

- Bổ sung “*hệ thống chính trị*”, “*toàn diện*”, “*củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa*” vào nội dung “*xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*” để thành “*xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa*”.

+ Trong phần về những điểm mới trong tiêu đề Đại hội ở trên, đã lý giải việc cần thiết bổ sung “*hệ thống chính trị*” vào nội dung “*xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh*”.

+ Bổ sung “*toàn diện*” vào “*xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh*” là nhấn mạnh yêu cầu xây dựng trong sạch, vững mạnh cả đối với Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc,

các đoàn thể chính trị xã hội và trong mỗi tổ chức này cần xây dựng toàn diện cả về tổ chức, cán bộ, phương thức hoạt động; với cán bộ phải xây dựng toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tác phong làm việc...

+ Bổ sung “củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa” bởi trong những năm vừa qua tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đã làm ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa. Một trong những yêu cầu, mục tiêu của xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện là phải củng cố được niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, đó là nền tảng của Nhà nước, của chế độ ta.

- Bổ sung “*Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí*” vào câu “sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại”. Sự cần thiết, ý nghĩa của việc bổ sung này đã được lý giải trong phần phân tích những điểm mới trong tiêu đề Đại hội.

- Bổ sung “*công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” vào câu “*Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới*” để thành “*Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”.

Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới là quan điểm, chủ trương lớn của Đảng được nêu trong mục tiêu tổng quát phát triển đất nước của Báo cáo chính trị các Đại hội X, XI, XII và trong nhiều văn kiện của Đảng. Ở các Đại hội này, trong mục tiêu tổng quát, sau câu “*Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới*” là “*phát triển đất nước nhanh, bền vững*”, một mục tiêu tổng quát hết sức quan trọng, bao gồm nhiều lĩnh vực. Trong đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội được xác định là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong nhiều nhiệm kỳ đại hội Đảng, nhiệm vụ này được quan tâm đẩy mạnh, đạt một số thành tựu; nhưng kết quả còn nhiều hạn chế, mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt được; trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh kinh tế thấp... Đây là hạn chế,

điểm yếu quan trọng của nước ta. Trong những năm tới, trong bối cảnh toàn cầu hóa, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, cạnh tranh quốc tế hết sức gay gắt, quyết liệt, yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh kinh tế đặt ra cấp thiết, có ý nghĩa sống còn đối với đất nước ta. Vì vậy, bổ sung nội dung này vào mục tiêu tổng quát trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng là quan trọng, cần thiết để nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, được thực hiện mạnh mẽ, có hiệu quả cao hơn trong những năm tới.

(2) Về các mục tiêu cụ thể

- Trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng không chỉ có mục tiêu cụ thể cho 5 năm, tới năm 2025, mà còn có các mục tiêu cho 10 năm, tới năm 2030 và cho đến năm 2045. Đây cũng là ba mốc lịch sử quan trọng của đất nước ta: năm 2025 là năm kỷ niệm 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; năm 2030 là năm kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Đảng và năm 2045 là năm kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam mới.

- Khi xác định mục tiêu cho những năm tới, Đại hội XIII vừa kế thừa những quan điểm của Đảng trong Cương lĩnh, trong nghị quyết các nhiệm kỳ đại hội trước, trong đó xác định mục tiêu phấn đấu đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và sau đó trở thành nước công nghiệp hiện đại; đồng thời, tiếp thu các cách đánh giá, phân loại các nước theo thông lệ quốc tế, được các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc (UN), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) và hầu hết các nước trên thế giới sử dụng. Đó là việc đánh giá, phân loại các nước thành:

+ Nước kém phát triển, nước đang phát triển và nước phát triển.

+ Nước có thu nhập thấp, nước có thu nhập trung bình thấp, nước có thu nhập trung bình cao và nước có thu nhập cao.

Căn cứ chính để phân loại các nước trong cả hai cách phân loại này là thu nhập bình quân đầu người, số liệu này được Ngân hàng thế giới công bố hàng năm. Những nước kém phát triển cũng là nước có thu nhập thấp; những

nước đang phát triển bao gồm những nước có thu nhập trung bình thấp và nước có thu nhập trung bình cao; những nước phát triển là nước có thu nhập cao (tuy nhiên, không phải mọi nước có thu nhập bình quân đầu người cao đều được xem là nước phát triển, như một số nước có thu nhập bình quân đầu người cao chỉ nhờ khai thác và xuất khẩu dầu mỏ). Tháng 7/2020, Ngân hàng thế giới công bố tiêu chí phân loại các nước theo thu nhập bình quân đầu người:

+ Nước có thu nhập thấp là nước có thu nhập bình quân đầu người dưới 1.036 USD/năm (tiêu chí công bố năm 2019 là 1.026 USD/năm).

+ Nước có thu nhập trung bình thấp là nước có thu nhập bình quân đầu người từ 1.036 đến dưới 4.045 USD/năm (tiêu chí công bố năm 2019 là từ 1.026-3.395 USD/năm).

+ Nước có thu nhập trung bình cao là nước có thu nhập bình quân đầu người từ 4.045 đến dưới 12.535 USD/năm (tiêu chí công bố năm 2019 là 3.396-12.375 USD/năm).

+ Nước có thu nhập cao là nước có thu nhập bình quân đầu người từ 12.535 USD/năm trở lên.

Cuối nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng, Việt Nam đã ra khỏi tình trạng nước nghèo (có thu nhập thấp), kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp (khái niệm nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp đã được sử dụng trong nhiều văn kiện của Đảng, Nhà nước ta). Năm 2020, nước ta đã có thu nhập bình quân đầu người 2.750 USD, vẫn là nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp. Trên cơ sở vừa kế thừa mục tiêu được các đại hội trước đề ra, vừa tiếp thu các tiêu chí theo thông lệ quốc tế, Đại hội XIII của Đảng đã đề ra các mục tiêu cụ thể phát triển đất nước trong những năm tới:

- Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao ■

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NỔI BẬT TRONG CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

- ĐÁP ỨNG NIỀM TIN VÀ KỶ VỌNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN VÀ NHÂN DÂN

● PGS, TS NGUYỄN VIỆT THÔNG

Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

Đại hội XIII của Đảng diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó dự báo; đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi và nhiều khó khăn, thách thức đan xen, nhiều vấn đề mới đặt ra phải giải quyết; cán bộ, đảng viên và nhân dân đặt niềm tin và kỳ vọng vào những quyết sách đúng đắn, mạnh mẽ của Đảng để đất nước ta phát triển nhanh và bền vững hơn. Đại hội đã thảo luận, thông qua các văn kiện. Bài viết xin nêu một số điểm mới nổi bật trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

Một số điểm mới trong chủ đề Đại hội XIII

Các thành tố trong chủ đề Đại hội

XIII so với Đại hội XII có một số điểm mới, đáng chú ý là: (1) Bổ sung xây dựng hệ thống chính trị vào nội dung xây dựng Đảng thành “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”; (2) Nêu “khát vọng phát triển đất nước”; (3) Xác định mục tiêu “đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Điểm mới trong dự báo tình hình thế giới và trong nước

Về dự báo tình hình thế giới, so với Đại hội XII, Văn kiện Đại hội XIII nêu những dự báo mới: Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược

giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và gay gắt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn.

Cục diện thế giới tiếp tục biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm; các nước lớn vẫn hợp tác, thỏa hiệp, nhưng đấu tranh, kiểm chế lẫn nhau gay gắt hơn. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng trong quan hệ quốc tế gia tăng. Các nước đang phát triển, nhất là các nước nhỏ đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới.

Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và có thể còn kéo dài do tác động của đại dịch Covid-19. Các quốc gia, nhất là các nước lớn điều chỉnh lại chiến lược phát triển, giảm bớt sự phụ thuộc vào bên ngoài, làm thay đổi các chuỗi cung ứng. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, tranh giành thị trường, các nguồn tài nguyên, công nghệ, nhân lực chất lượng cao, thu hút đầu tư nước ngoài giữa các nước ngày càng quyết liệt, tác động mạnh đến chuỗi sản xuất và phân phối toàn cầu.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc.

Về khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á, Văn kiện Đại hội XIII nêu những dự

Các thành tố trong chủ đề Đại hội XIII so với Đại hội XII có một số điểm mới, đáng chú ý là: (1) Bổ sung xây dựng hệ thống chính trị vào nội dung xây dựng Đảng thành “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”; (2) Nêu “khát vọng phát triển đất nước”; (3) Xác định mục tiêu “đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

báo mới: Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn. Hòa bình, ổn định, tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. ASEAN có vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác khu vực nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn.

Về tình hình trong nước, Văn kiện Đại hội XIII nêu những dự báo mới: Sau 35 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm năm tới, Việt Nam hội nhập quốc tế sâu, rộng hơn và sẽ phải thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém, đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới do tác động của đại dịch Covid-19 và khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra. Xu hướng già hóa dân số nhanh; tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa tăng mạnh; biến đổi khí hậu gay gắt, phức tạp... ngày càng

tác động mạnh đến sự phát triển của đất nước.

Điểm mới trong hệ quan điểm chỉ đạo

So với các đại hội trước, Báo cáo chính trị Đại hội XIII có mục nêu hệ quan điểm chỉ đạo. Đây là một trong những điểm mới nổi bật. Báo cáo chính trị nêu: Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong giai đoạn tới đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải quán triệt trong nhận thức và hoạt động thực tiễn các quan điểm cơ bản sau:

- *Quan điểm 1 nêu những vấn đề có tính nguyên tắc trong công cuộc đổi mới*: Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. So với các đại hội trước, Đại hội XIII bổ sung “*kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng*”. Đây là những quan điểm có tính nguyên tắc, bất di, bất dịch.

- *Quan điểm 2 nêu chiến lược tổng thể phát triển đất nước nhanh, bền vững*: Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc

gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

- *Quan điểm 3 nêu động lực phát triển:* Khởi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước.

- *Quan điểm 4 nêu nguồn lực phát triển:* Kết hợp sức mạnh dân tộc với

sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

- *Quan điểm 5 nêu những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc:* Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

Điểm mới trong cách tiếp cận xác định mục tiêu

Mục tiêu tổng quát: Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và

sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

So với Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung “*năng lực cầm quyền*” vào nội dung “*nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng*”; bổ sung “*hệ thống chính trị*”, “*toàn diện*”, “*tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa*”; xác định “*đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”.

Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống

nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Việc xác định mục tiêu như trên theo cách tiếp cận mới: Trình độ phát triển, trình độ công nghiệp và thu nhập bình quân đầu người. Đây là tổng hợp cách tiếp cận của Đảng ta trong 35 năm đổi mới và phù hợp với cách tiếp cận của thế giới.

Điểm mới trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030

Báo cáo chính trị nêu định hướng phát triển đất nước 10 năm tới

(1) *Định hướng về xây dựng, hoàn thiện thể chế:* Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó

khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

(2) *Định hướng về phát triển kinh tế:* Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

(3) *Định hướng về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ:* Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng

dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

(4) *Định hướng phát triển con người và xây dựng nền văn hóa:* Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước.

(5) *Định hướng về quản lý phát triển xã hội:* Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực

hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hoá, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

(6) *Định hướng về thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường:* Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

(7) *Định hướng về bảo vệ Tổ quốc:* Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ

Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh con người, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương. Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những nhân tố bất lợi, nhất là những nhân tố có thể gây đột biến; đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

(8) *Định hướng về đối ngoại:* Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

(9) *Định hướng về đại đoàn kết toàn dân tộc:* Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò tự quản của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới tổ chức,

nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

(10) *Định hướng về xây dựng Nhà nước*: Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội.

(11) *Định hướng về xây dựng Đảng*: Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm

nhệm vụ; làm tốt công tác tư tưởng, lý luận; chú trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật và dân vận của Đảng.

(12) *Về các mối quan hệ lớn*: Tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các quan hệ lớn: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: Trong nhận thức và giải quyết các quan hệ lớn, cần chú trọng hơn đến bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất

tiến bộ, phù hợp; phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữ vững độc lập, tự chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Trên cơ sở định hướng phát triển đất nước nêu trong Báo cáo chính trị, Báo cáo xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã xác định cụ thể hơn, đầy đủ hơn.

Điểm mới trong định hướng, nhiệm vụ, giải pháp trên các lĩnh vực chủ yếu 5 năm 2021-2025

Một là, trên lĩnh vực kinh tế:

Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông

dân văn minh. Thực hiện tốt hơn phát triển bền vững kinh tế biển. Xây dựng chiến lược, hoàn thiện thể chế phát triển đô thị và kinh tế đô thị. Thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

Hai là, trên lĩnh vực văn hóa, xã hội:

Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước. Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển giáo dục Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, lấy chất lượng và hiệu quả đầu ra làm thước đo.

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ thể chế, chính sách ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ.

Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị và thành tựu của văn hóa, khoa học, kỹ thuật công nghệ của thế giới.

Quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững, hài hòa. Xây dựng và thực thi có hiệu quả chính sách dân số và phát triển, phát huy lợi thế thời kỳ dân số vàng, đồng thời chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm mức tăng dân số hợp lý và cân bằng giới tính khi sinh.

Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng chiến lược, hoàn thiện hệ

thống thể chế quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, trọng tâm là đất đai.

Ba là, trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng quân đội, công an tinh, gọn, mạnh. Đến năm 2030, xây dựng một số quân chủng, binh chủng, lực lượng hiện đại, phấn đấu từ năm 2030 xây dựng quân đội, công an hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển.

Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập

quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường, hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước.

Bốn là, trên lĩnh vực xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân. Thực hiện tốt, có hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.

Trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa

vào nhân dân để xây dựng Đảng; kiên quyết kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ, triệt để hơn, hiệu quả hơn; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới.

Điểm mới trong xác định nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược

Về những nhiệm vụ trọng tâm

Đại hội XII xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm, Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII cũng nêu 6 nhiệm vụ trọng tâm. So với Đại hội XII, Báo cáo chính trị có 2 điểm mới: (1) Về cơ cấu: Đại hội XII dành nhiệm vụ 1 và 2 về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ; Báo cáo chính trị dành nhiệm vụ thứ nhất về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, thêm nhiệm vụ về tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu; (2) Nội dung từng nhiệm vụ trọng tâm có những nội dung mới. Cụ thể như sau:

(1) *Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị*, Báo cáo chính trị bổ sung yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan

liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; nhấn mạnh củng cố lòng tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

(2) *Về phát triển kinh tế*, Báo cáo chính trị bổ sung, nhấn mạnh xây dựng hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết giữa các khu vực, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

(3) *Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại*, Báo cáo chính trị nhấn mạnh: Giữ vững độc lập, tự chủ, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, kiên

quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

(4) *Về văn hóa, xã hội*, Báo cáo chính trị bổ sung, nhấn mạnh: Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam.

(5) *Về dân chủ xã hội chủ nghĩa, đại đoàn kết toàn dân tộc*, Báo cáo chính trị bổ sung và nhấn mạnh: Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo pháp luật, kỷ cương, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên, tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc.

(6) *Về tài nguyên, môi trường, biển*

đổi khí hậu, Báo cáo chính trị nêu: Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

Về các đột phá chiến lược

Ba đột phá chiến lược do Đại hội lần thứ XI, XII của Đảng xác định có ý nghĩa, giá trị lâu dài, vẫn còn nguyên giá trị và sẽ được cụ thể hóa phù hợp với từng giai đoạn phát triển. So với Đại hội XII, Báo cáo chính trị bổ sung, nhấn mạnh những nội dung sau:

(1) *Về thể chế*, Báo cáo chính trị mở rộng phạm vi thành thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng những

biện pháp hữu hiệu.

(2) *Về nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao*, Báo cáo chính trị bổ sung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở chú trọng nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(3) *Về hệ thống kết cấu hạ tầng*, Báo cáo chính trị nhấn mạnh yêu cầu xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội theo hai hướng ưu tiên: *Một là*, phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu. *Hai là*, chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

Sự cụ thể hóa 3 đột phá chiến lược của Đại hội XI, XII vào giai đoạn 5 năm 2021-2025 là một điểm mới của Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII của Đảng.

Các văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã tiếp thu có chọn lọc những giá trị chung của nhân loại

Một là, về kinh tế thị trường

Kinh tế thị trường là giá trị chung của nhân loại, được phát triển trong chủ nghĩa tư bản. Từ Đại hội IX, Đảng ta đã khẳng định: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Kế thừa Đại hội XII, Văn kiện Đại hội XIII nêu: Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu,

nhiều thành phần kinh tế, trong đó: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế.

Kinh tế nhà nước là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường. Các nguồn lực kinh tế của Nhà nước được sử dụng phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đất nước và cơ bản được phân bổ theo cơ chế thị trường. Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng, quốc phòng, an ninh; hoạt động theo cơ chế thị trường, quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế; lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, tổ hợp tác có vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã.

Kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, nhất là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ, được hỗ trợ phát triển thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân hợp tác, liên kết với doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, kinh tế hộ; phát triển các công ty cổ phần có sự tham gia rộng rãi của các chủ thể xã hội, nhất là người lao động.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong huy động nguồn vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Văn kiện Đại hội XIII xác định mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và

xã hội: Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa Nhà nước, thị trường và xã hội có quan hệ chặt chẽ. Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế, bảo vệ quyền tài sản, quyền kinh doanh, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế; tạo môi trường thuận lợi, công khai, minh bạch cho các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và thị trường hoạt động; điều tiết, định hướng, thúc đẩy kinh tế phát triển, gắn kết phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các tiêu chuẩn, định mức và lực lượng kinh tế nhà nước phù hợp với các yêu cầu và quy luật của kinh tế thị trường. Thị trường đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hoá, dịch vụ; tạo động lực huy động, phân bổ các nguồn lực; điều tiết sản xuất và lưu thông; điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém. Các tổ chức xã hội có vai trò tạo sự liên kết, phối hợp hoạt động, giải quyết những vấn

để phát sinh giữa các thành viên; đại diện và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong quan hệ với các chủ thể, đối tác khác; cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên; phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp nhân dân với Nhà nước và tham gia phản biện luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, giám sát các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực thi pháp luật.

Hai là, về nhà nước pháp quyền

Từ Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII, Đảng ta đã chính thức sử dụng khái niệm Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và được tiếp tục được phát triển qua các kỳ đại hội. So với Đại hội XII, Báo cáo chính trị xác định rõ hơn nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong

việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, hiện đại, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, lấy quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững.

Ba là, về dân chủ

Dân chủ là giá trị chung của nhân loại. Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn bản chất, vị trí, vai trò của dân chủ và phát huy dân chủ. So với Đại hội XII, Báo cáo chính trị xác định rõ hơn nhiệm vụ, giải pháp phát huy dân chủ: Tiếp tục cụ thể hoá, hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ theo tinh thần Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Thực hiện đúng đắn,

hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở. Thực hiện tốt, có hiệu quả trên thực tế phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ. Cấp uỷ, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức nêu gương thực hành dân chủ, tuân thủ pháp luật, đề cao đạo đức xã hội. Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân. Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy tính tích cực chính trị - xã hội, trí tuệ, quyền và trách nhiệm của nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng đội ngũ đảng viên,

cán bộ, công chức; động viên nhân dân tham gia phát triển kinh tế; quản lý và tự quản xã hội; xây dựng, quản lý, thụ hưởng văn hoá; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, ngoại giao nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân. Xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, gây rối nội bộ, làm mất ổn định chính trị - xã hội hoặc vi phạm dân chủ, làm phương hại đến quyền làm chủ của nhân dân.

Bốn là, về hạnh phúc

Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Quốc hiệu của nước ta là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cao giá trị hạnh phúc. Các văn kiện Đại hội XIII đề cao khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Thế giới hiện nay rất coi trọng chỉ số hạnh phúc của người dân để đánh giá về sự tiến bộ, ưu việt của các quốc gia. Đây cũng là một điểm nhấn trong các văn kiện tại Đại hội XIII ■

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

● GS, TS TẠ NGỌC TẤN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Ở đâu có quyền lực thì ở đó có yêu cầu kiểm soát quyền lực với vai trò như một công cụ điều tiết, bảo đảm cho quyền lực được sử dụng hợp lý, hiệu quả. Trong lĩnh vực chính trị, vấn đề kiểm soát quyền lực càng có ý nghĩa quan trọng, bởi vì nó liên quan đến lợi ích sống còn của một dân tộc, sự bền vững của một quốc gia, sự tồn vong của một chế độ. Trong bài viết này, chúng tôi xin được trao đổi ý kiến về thực trạng kiểm soát quyền lực chính trị ở Việt Nam xét theo hai bình diện: *Nhận thức, chính sách và hiệu quả thực tế.*

Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về kiểm soát quyền lực chính trị

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước trong đó có vấn đề kiểm soát quyền lực luôn luôn

được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam quan tâm. Đặc biệt, từ sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước dân chủ nhân dân ra đời, Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền, vấn đề kiểm soát quyền lực nhằm xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, bảo đảm cho sự bền vững của chế độ và sự thắng lợi của công cuộc xây dựng phát triển đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội càng được quan tâm chú ý hơn, bắt đầu từ nhận thức ngày càng rõ hơn về sự cần thiết, ý nghĩa, yêu cầu và phương pháp giải quyết vấn đề kiểm soát quyền lực chính trị.

Tháng 2-1947, chính quyền nhà nước dân chủ nhân dân non trẻ mới trải qua hơn một năm trong khi đất nước ngổn ngang những khó khăn,

thiếu thốn, phức tạp, các cơ quan của Đảng, Nhà nước ở Trung ương phải rút lên Chiến khu Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảnh báo và phê bình nghiêm khắc tình trạng “quân phiệt quan liêu”, “óc địa vị”, “tính kiêu ngạo” trong hàng ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước ở một số địa phương. Trong hai bức thư gửi các đồng chí Bắc Bộ và gửi các đồng chí Trung Bộ, Người đã thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm, những biểu hiện tiêu cực trong cán bộ. Đó là tình trạng: “Khi phụ trách ở một vùng nào thì như một ông vua con ở đấy, tha hồ hách dịch, hoành hợ. Đối với cấp trên thì xem thường, đối với cấp dưới thì cậy quyền lấn áp. Đối với quần chúng ra vẻ quan cách làm cho quần chúng sợ hãi. Cái đầu óc “ông tướng, bà tướng” ấy đã gây ra bao ác cảm, bao chia rẽ, làm cho cấp trên xa cấp dưới, đoàn thể xa nhân dân”¹. Hoặc, “có những đồng chí còn giữ óc

địa vị, cố tranh làm cho được ủy viên này, chủ tịch kia. Còn có những đồng chí chỉ lo ăn ngon, mặc đẹp, lo phát tài, lo chiếm của công làm của tư, đạo đức cách mệnh thế nào, dư luận chê bai thế nào cũng mặc...”². Đó là biểu hiện của thói quan liêu, đồng thời cũng phản ánh tình trạng buông lỏng, chưa có cơ chế giải pháp kiểm soát quyền lực trong các cơ quan của chính quyền cách mạng lúc đó. Nhận thấy những biểu hiện tiêu cực ấy sẽ ảnh hưởng xấu đến sự đoàn kết nội bộ, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, làm cho tổ chức đảng và chính quyền suy yếu, không đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ cách mạng nặng nề và vẻ vang, Hồ Chí Minh yêu cầu các tổ chức đảng và chính quyền ở các địa phương trong cả nước phải “mang toàn bộ tinh thần cách mạng” mà sửa chữa, khắc phục những khuyết điểm, hạn chế đó. Người chỉ ra một trong những nội dung phải thực hiện

Ở đâu có quyền lực thì ở đó có yêu cầu kiểm soát quyền lực với vai trò như một công cụ điều tiết, bảo đảm cho quyền lực được sử dụng hợp lý, hiệu quả. Trong lĩnh vực chính trị, vấn đề kiểm soát quyền lực càng có ý nghĩa quan trọng, bởi vì nó liên quan đến lợi ích sống còn của một dân tộc, sự bền vững của một quốc gia, sự tồn vong của một chế độ.

nhằm khắc phục những khuyết điểm đó là: “Trong các cơ quan chỉ huy, chọn người phải đích đáng, quyền hạn phải phân minh, liên lạc phải mật thiết, hợp tác phải chặt chẽ, phải tuyệt đối tránh cái lối lạm quyền, bao biện, xung đột, phù diện và suy ty, không phụ trách”³.

Đặc biệt, trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” xuất bản tháng 10-1947, Hồ Chí Minh nhấn mạnh một cách cụ thể yêu cầu về công tác *kiểm tra* đối với cán bộ và *kiểm soát* trong lãnh đạo. Theo Người, việc kiểm tra công tác đối với cán bộ là một trong 5 “cách đối với cán bộ”, tức là 5 phương pháp bồi dưỡng, quản lý cán bộ của Đảng. Người viết: “Kiểm tra - Không phải ngày nào cũng kiểm tra. Nhưng thường kiểm tra để giúp họ rút kinh nghiệm, sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm”⁴. Đó là công việc nội bộ trong tổ chức, hàng ngũ của Đảng. Song với trách nhiệm là người lãnh đạo xã hội, lãnh đạo nhân dân tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, thì phải dựa vào nhân dân để làm tốt công việc kiểm soát hiệu quả lãnh đạo, đồng thời cũng là kiểm soát quyền lực của tổ chức đảng và cá nhân

các cán bộ, đảng viên. Vì thế, Hồ Chí Minh cho rằng, lãnh đạo đúng là cùng với việc “quyết định mọi vấn đề cho đúng”, “phải tổ chức thi hành cho đúng”, còn phải “tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”⁵. Có nghĩa là phải dựa vào dân, lấy dân làm lực lượng để thực hiện công việc kiểm soát mới có thể mang lại hiệu quả như mong muốn.

Nhất quán với nhận thức về những tác hại của chủ nghĩa cá nhân dẫn đến “phạm nhiều sai lầm”, trong đó có sai lầm, khuyết điểm về lạm dụng quyền lực, mưu lợi cá nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu, cùng với giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên, “Phải thực hành phê bình và tự phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng. Phải hoan nghênh và khuyến khích quần chúng thật thà phê bình cán bộ, đảng viên. Chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc. Kỷ luật Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ”⁶. Những yêu cầu trên đây cũng chính là thuộc trong số những giải pháp, nguyên tắc xây dựng Đảng, kiểm soát những biểu hiện lạm dụng quyền lực trong tổ chức đảng và đảng viên.

Trong bản Di chúc để lại trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con người của mắt mình”. Và theo Người, hai phương cách tốt nhất để thực hiện yêu cầu về giữ gìn, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng là: Thực hành *dân chủ rộng rãi* và thực hiện *tự phê bình và phê bình thường xuyên*, nghiêm chỉnh trong Đảng⁷.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực được thể hiện thể hiện nhất quán trong nhận thức lý luận cũng như trong các chủ trương, đường lối của Đảng về lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị. Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI năm 1986, nhấn mạnh: “Chúng ta đã xác định mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý thành cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội”⁸. Báo cáo chính trị tại Đại hội VI của Đảng cũng nhấn mạnh yêu cầu mọi người bình đẳng trước pháp luật, phải tôn trọng và chấp hành pháp luật nghiêm chỉnh. “Trong điều kiện đảng cầm quyền, mọi cán bộ, bất cứ ở cương vị nào, đều phải sống và làm

việc theo pháp luật, gương mẫu trong việc tôn trọng pháp luật. Không cho phép bất cứ ai dựa vào quyền thế để làm trái pháp luật. Mọi vi phạm đều phải được xử lý. Bất cứ ai phạm pháp đều đưa ra xét xử theo pháp luật, không được giữ lại để xử lý “nội bộ”. Không làm theo kiểu phong kiến: dân thì chịu hình pháp, quan thì xử theo “lẽ”. Hiến pháp quy định: “Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”⁹. Có thể nói, yêu cầu trên đây đã làm rõ nhận thức của Đảng về vấn đề tôn trọng, thực thi pháp luật trong xã hội, nội dung cốt lõi của chế độ nhà nước pháp quyền, lấy pháp luật là cơ sở tối cao quản lý và điều chỉnh mọi hoạt động trong xã hội. Mặt khác, đó còn thể hiện thái độ không khoan nhượng đối với những hành vi vi phạm pháp luật nói chung và sự kiên quyết đấu tranh nhằm loại bỏ sự lạm dụng quyền lực trong bộ máy của Đảng và Nhà nước vì mục đích cá nhân vụ lợi, nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

(năm 1991) xác định đường lối chung của Đảng về xây dựng, phát triển đất nước, đồng thời cũng chỉ ra phương hướng, nguyên tắc chung về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu các nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới. Cương lĩnh 1991 chỉ rõ vai trò, tính chất của Đảng, đồng thời nhấn mạnh các nguyên tắc xây dựng đảng: “lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản”, “liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân”, “hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật” và “tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ, bè phái”. Đối với bộ máy nhà nước, Cương lĩnh 1991 xác định: “Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của trung ương”. Đặc biệt, Cương lĩnh 1991 xác định cơ chế vận hành và kiểm soát quyền lực nhà nước, theo đó, “Nhà nước Việt Nam *thống nhất ba quyền* lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự *phân công rành mạch* ba quyền đó”.

Như vậy, đến Cương lĩnh 1991, trong nhận thức lý luận, Đảng ta chưa đề cập trực tiếp vấn đề kiểm soát quyền lực chính trị. Tuy nhiên, về bản chất, nhiều vấn đề liên quan đến nội dung, yêu cầu kiểm soát quyền lực trong Đảng, trong hệ thống tổ chức bộ máy của Nhà nước đã được Đảng chỉ ra trong các văn kiện. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* xác định mối quan hệ giữa “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” là một trong số những mối quan hệ lớn cần phải nắm vững và giải quyết trong quá trình thực hiện phương hướng xây dựng, phát triển đất nước. Việc giải quyết mối quan hệ này, thực chất cũng là thực hiện cơ chế tổng thể về quản lý xã hội, giám sát quyền lực chính trị, nhằm mục đích bảo đảm sự phát triển bền vững của chế độ xã hội. Đặc biệt, khái niệm *kiểm soát lẫn nhau* lần đầu tiên được đưa vào Cương lĩnh 2011 với ý nghĩa là *kiểm soát lẫn nhau giữa các quyền lực* trong cơ chế vận hành của bộ máy tổ chức của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. “Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ*

ngĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và *kiểm soát* giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa” (Cương lĩnh 2011). Như vậy, mối quan hệ giữa các cơ quan thực hiện ba quyền lực *lập pháp, hành pháp, tư pháp* trong bộ máy tổ chức Nhà nước Việt Nam không chỉ là thống nhất, phân công và phối hợp thực hiện, mà còn phải kiểm soát lẫn nhau. Việc chính thức hóa yêu cầu *kiểm soát lẫn nhau* giữa các cơ quan thực thi các quyền lực cơ bản của Nhà nước không chỉ một bước nhận thức rõ hơn đặc trưng của mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mà còn mở đường cho việc tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước, bảo đảm tích cực hơn cho sự trong sáng, hiệu lực, thể hiện rõ hơn

tính chất của Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Cơ chế, chính sách thực hiện giám sát quyền lực chính trị ở nước ta hiện nay

Trên cơ sở nhận thức về sự cần thiết, nội dung, vai trò, ý nghĩa của vấn đề kiểm soát quyền lực chính trị trong quá trình lãnh đạo cách mạng, xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc, Đảng, Nhà nước ta đã xây dựng, hoàn thiện không ngừng những cơ chế, chính sách nhằm kiểm soát quyền lực chính trị dưới các cấp độ, hình thức khác nhau.

Trong điều kiện cụ thể của nước ta, Đảng xác định cơ chế tổng thể quản lý đất nước, quản lý xã hội là “*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ*”. Đây cũng đồng thời là sự xác định vị trí, vai trò các yếu tố trong hệ thống quyền lực chính trị của đất nước, của chế độ. Trong hệ thống đó, Đảng Cộng sản Việt Nam với vai trò là đảng chính trị duy nhất cầm quyền, đồng thời cũng là “*lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội*” (Điều 4, Hiến pháp năm 2013), là yếu tố quyền lực chính trị quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định. Vì thế, việc kiểm soát quyền lực chính trị của Đảng, không

chỉ là một nội dung, giải pháp quan trọng, góp phần bảo đảm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, đủ năng lực lãnh đạo Nhà nước và xã hội, mà còn là điều kiện hàng đầu bảo đảm cho sự kiểm soát một cách hiệu quả quyền lực chính trị đối với Nhà nước và xã hội nói chung, bảo đảm cho sự bền vững của chế độ.

Trên thực tế, cơ chế, chính sách kiểm soát quyền lực của Đảng đã được bao hàm trong các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, được bổ sung, hoàn thiện trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng và từ những bài học rút ra từ thực tế công tác xây dựng Đảng. Do vai trò đặc biệt của Đảng Cộng sản là Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội nên hầu như mọi cơ chế, chính sách kiểm soát quyền lực trong nội bộ Đảng cũng đồng thời liên quan đến sự kiểm soát quyền lực chính trị trên phạm vi xã hội. Về cơ bản, việc kiểm soát quyền lực của Đảng hiện nay được thực hiện theo các cơ chế, chính sách sau:

(1). Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng như: tập trung dân chủ; tập thể lãnh đạo - cá nhân phụ trách; kỷ luật nghiêm minh; nêu cao

tính tiên phong gương mẫu của đảng viên; tự phê bình và phê bình; gắn bó mật thiết với nhân dân và được nhân dân giám sát; hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Tùy theo tình hình thực tiễn và yêu cầu của công tác xây dựng Đảng trong mỗi giai đoạn, một số nguyên tắc về tổ chức, hoạt động của Đảng được triển khai thành những quy định cụ thể và yêu cầu đảng viên thực hiện theo tinh thần kỷ luật đảng. Ví dụ: Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 19-12-2016, của Bộ Chính trị “Về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên”; Quy định số 08-QĐi/TW, ngày 25-10-2018, của Ban Chấp hành Trung ương, về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”, v.v..

(2). Đại hội Đảng, chế độ bầu cử cấp ủy, ủy ban kiểm tra và chế độ sinh hoạt đảng theo định kỳ là những cơ chế, chế độ tổ chức, hoạt động của Đảng, đồng thời cũng là cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng. Mỗi một kỳ đại hội các tổ chức đảng và đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng là một lần sàng lọc, đánh giá lại vai trò, trách nhiệm,

tiêu chuẩn cán bộ tham gia cấp ủy, có ý nghĩa như sự giám sát quyền lực của cấp ủy và các đảng viên tham gia cấp ủy, bảo đảm những tiêu chuẩn, yêu cầu cần và đủ để tiếp tục chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng để gánh vác những trách nhiệm công tác - thực thi những quyền lực chính trị được giao. Đặc biệt, trong những năm qua, các tiêu chuẩn, quy định về bầu cử trong đảng được bổ sung, hoàn thiện không ngừng theo hướng ngày càng phát huy dân chủ, dựa vào nhân dân, mở rộng quyền lựa chọn trực tiếp của đại hội và của tập thể các tổ chức đảng.

(3). Công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy và ủy ban kiểm tra đảng đối với đảng viên và các tổ chức đảng được thực hiện theo những quy định, quy trình chặt chẽ trong Điều lệ Đảng, những quy định thống nhất của các tổ chức đảng. Công việc này là yếu tố cơ bản bảo đảm tính kỷ luật chặt chẽ, nghiêm minh trong Đảng, cũng là một cơ chế góp phần quan trọng trong việc giám sát quyền lực, bảo đảm sự dân chủ, trong sạch, vững mạnh và năng lực lãnh đạo trong nội bộ Đảng. Đặc biệt, ngày 23-9-2019, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 205- QĐ/TW

“Về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền”, trong đó xác định yêu cầu: “sử dụng cơ chế, biện pháp nhằm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác cán bộ; phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm các quy định của Đảng, Nhà nước, nhất là các hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, lạm quyền, lộng quyền hoặc không thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và những việc phải làm trên cương vị được giao trong công tác cán bộ”.

(4). Tổ chức đảng và đảng viên của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình trước pháp luật như mọi công dân trong xã hội. Đây là quy định của Điều lệ Đảng và đã được hiến định trong Điều 4, Hiến pháp năm 2013: “Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”. Cùng với những quy định của pháp luật, trong Đảng còn có những quy định chặt chẽ, nghiêm khắc hơn để kiểm soát hành vi của đảng viên, bảo đảm sự trong sáng và uy tín của Đảng. Ví dụ, Quy định số 47-QĐ/TW, ngày 01-11- 2011, của Ban Chấp hành

Trung ương “Về những điều đảng viên không được làm”.

(5). Vai trò của nhân dân với tính chất là lực lượng giám sát và tham gia trực tiếp vào công tác xây dựng Đảng. Cương lĩnh 2011 khẳng định: “Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân”. Quan điểm ấy của Đảng được hiến định trong Hiến pháp năm 2013: “Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”. Sự giám sát và tham gia của nhân dân góp phần xây dựng Đảng thể hiện tính chất của Đảng là “đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc”. Đồng thời, đó cũng là cơ chế giám sát quyền lực thiết thực, cụ thể và có hiệu quả. Cơ chế giám sát, phản biện của nhân dân đã được cụ thể hóa trong những quy định của Đảng, như: “Quy chế

giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội” ban hành theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12-12-2013, của Bộ Chính trị.

Đối với Nhà nước Việt Nam, *kiểm soát quyền lực chính trị* được thực hiện thông qua các cơ chế, chính sách sau đây:

(1). Sự kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước thực hiện các chức năng lập pháp, hành pháp và tư pháp được chế định trong Hiến pháp và hệ thống pháp luật. Ở nước ta, Quốc hội “Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng Bầu cử quốc gia, Kiểm toán Nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập” (Điều 70, Hiến pháp năm 2013).

(2). Kiểm soát quyền lực bằng các chế định về bầu cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo nhiệm kỳ hoặc không theo nhiệm kỳ do các lý do cụ thể. Bầu cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm vừa là phương thức tổ chức bộ máy nhà

nước, bảo đảm việc lựa chọn đúng người, đúng việc, uy tín của cán bộ, tổ chức và ý chí, nguyện vọng của nhân dân và tập thể tổ chức. Đồng thời, đó cũng là phương thức để kiểm soát quyền lực chính trị, bảo đảm quyền lực được thực thi đúng đắn, hiệu quả, ngăn chặn, để phòng sự lạm dụng quyền lực vì mục đích cá nhân hoặc hạn chế hiệu quả sử dụng quyền lực vì hạn chế về năng lực.

(3). Kiểm soát quyền lực bằng Hiến pháp, hệ thống pháp luật và chế độ tư pháp, bảo đảm cho các tổ chức, cá nhân hoạt động theo đúng các chế độ định của Hiến pháp và pháp luật. Một khi các chế độ trong Hiến pháp, pháp luật và pháp chế nói chung đúng đắn, công bằng, thì việc thực thi nghiêm chỉnh Hiến pháp, pháp luật và các chế độ tư pháp cũng chính là điều kiện để bảo đảm quyền lực chính trị được sử dụng đúng đắn, không bị lạm dụng hoặc sử dụng sai mục đích.

(4). Kiểm soát quyền lực chính trị bằng việc thực hiện vai trò làm chủ, sự giám sát của nhân dân một cách trực tiếp hoặc thông qua Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức nhân dân. Cũng như đối với tổ chức đảng và đảng viên, các

cơ quan, tổ chức nhà nước và các cá nhân nắm giữ các trách nhiệm trong bộ máy nhà nước phải chịu sự giám sát, kiểm soát của nhân dân. Theo các quy định của pháp luật, người dân có quyền kiểm soát, giám sát, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của mình đối với các cơ quan, tổ chức và các cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trong việc thi hành công vụ.

Như vậy, các cơ chế, chính sách kiểm soát quyền lực trong nội bộ Đảng, Nhà nước hay trong toàn xã hội đều gắn liền, đan xen hoặc bao hàm trong các nguyên tắc, chế độ tổ chức hoạt động của các thành tố tạo thành hệ thống chính trị ở nước ta. Trong mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, các cơ chế, chính sách kiểm soát quyền lực của mỗi thành tố trong hệ thống chính của nước ta phần lớn đều liên quan hoặc đồng thời tác động đến các thành tố khác. Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, nhất là trong thời kỳ đổi mới, các cơ chế, chính sách về kiểm soát quyền lực chính trị ở nước ta đã không ngừng được hoàn thiện, được chế định ngày càng đầy đủ trong hệ thống pháp luật và đã có tác động tích

cực đến quá trình xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Hiệu lực, hiệu quả kiểm soát quyền lực chính trị ở nước ta và một số vấn đề đặt ra hiện nay

Trên cơ sở nhận thức ngày càng rõ về vai trò, vị trí, ý nghĩa và phương pháp kiểm soát quyền lực chính trị, sự hoàn thiện ngày càng đầy đủ, toàn diện các cơ chế, chính sách nhằm kiểm soát quyền lực chính trị ngày càng hợp lý, hiệu quả, trong thời gian vừa qua, việc kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị đã có nhiều biến chuyển, thu được *những kết quả quan trọng* trên thực tế. Những kết quả đó là một bộ phận gắn bó hữu cơ không thể chia tách với những kết quả chung của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

“*Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả rõ rệt*” đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong kiểm soát quyền lực của Đảng và hệ thống chính trị nói chung. Công tác xây dựng Đảng về *chính trị, tư tưởng, đạo đức* đã nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về ý thức, trách nhiệm chính trị trong

việc thực thi các trách nhiệm công tác của Đảng. Công tác xây dựng Đảng về tổ chức đã tập trung kiện toàn, “đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; năng lực, chất lượng lãnh đạo, hiệu quả hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên được nâng cao”. Công tác *cán bộ* được đổi mới mạnh mẽ theo tinh thần Nghị quyết số 26 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã tạo được những chuyển biến tích cực.

Công tác *kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng* “được tăng cường, có nhiều đổi mới, thực hiện toàn diện, đồng bộ, có hiệu lực, hiệu quả, nhất là ở cấp Trung ương”. Công tác *phòng, chống tham nhũng* “được lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện quyết liệt,... với quyết tâm chính trị rất cao, không có vùng cấm”, được “nhân dân đồng tình, ủng hộ”, đã từng bước “kiểm chế, ngăn chặn” tham nhũng. Trong nhiệm kỳ khóa XII đã thi hành kỷ luật gần 120 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý là thể hiện trực tiếp, rõ ràng về sự quyết liệt, quyết tâm chính trị cao của Đảng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, quan liêu, tăng cường kỷ luật nghiêm minh trong Đảng và hệ thống chính trị.

Phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới theo hướng “giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đề cao nguyên tắc pháp quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội”. Phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng được đổi mới; vai trò trách nhiệm của cấp ủy đảng, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng được chú trọng.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ, hoạt động hiệu lực và hiệu quả hơn; tổ chức bộ máy lập pháp, hành pháp và tư pháp tiếp tục được hoàn thiện”. Vai trò của pháp luật ngày càng được đề cao; cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp ngày càng rành mạch. Hoạt động của Quốc hội được đổi mới, có hiệu quả hơn trong xây dựng pháp luật, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Hoạt động của Chính phủ và các bộ, ngành đổi mới theo hướng kiến tạo, tập trung vào điều hành vĩ mô, tháo gỡ rào cản, hỗ

trợ phát triển. Tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp tiếp tục được kiện toàn, có tiến bộ về chất lượng hoạt động, về bảo vệ lợi ích hợp pháp và quyền con người của công dân. Tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương được sắp xếp lại, tinh gọn, hiệu quả và hợp lý hơn.

Hiệu quả tổng hợp của những kết quả trên là *những thành tựu quan trọng, nhiều dấu ấn nổi bật* của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong thời gian qua, nhất là trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng. Trong điều kiện thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức, tác động tiêu cực của dịch bệnh và thiên tai, song nền kinh tế nước ta vẫn phát triển, xã hội ổn định, đời sống của nhân dân được bảo đảm cơ bản, uy tín của đất nước trên trường quốc tế được nâng lên, tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường. Những thành tựu quan trọng đó là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố, trong đó có những đổi mới tích cực trong kiểm soát quyền soát quyền lực chính trị góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên, cùng với những kết quả quan trọng trên, *trong kiểm soát*

quyền lực vẫn còn một số hạn chế, khuyết điểm. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII chỉ rõ: “Cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả chưa cao; việc công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình còn hạn chế” (Nghị quyết số 18, Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”). Dự thảo báo cáo Chính trị Đại hội XIII của Đảng cũng đánh giá: “Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, trọng tâm là đối với Nhà nước còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng và nhà nước chưa đầy đủ, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả chưa cao”.

Nhìn một cách tổng thể, những hạn chế, khuyết điểm trên là một trong

những nguyên nhân góp phần làm hạn chế hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; dẫn đến tình trạng “tham nhũng, lãng phí trong nhiều lĩnh vực còn nghiêm trọng, phức tạp, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội”; “tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chủ nghĩa cá nhân, “lợi ích nhóm”, bệnh lãng phí, vô cảm, bệnh thành tích ở một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi”, “niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút”, v.v.. Với ý nghĩa ấy, việc tiếp nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, làm rõ thực trạng để từ đó tìm ra những giải pháp đúng đắn, hợp lý nhằm kiểm soát chặt chẽ quyền lực chính trị trong xã hội, là một nhiệm vụ quan trọng của Đảng ta trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước giai đoạn mới ■

^{1,2,3,4,5} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.88, 94, 95-96, 316, 325.

^{6,7} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.547, 622.

^{8,9} ĐCSVN: Văn kiện Đảng: *Toàn tập*, t.47, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.791803-804.